

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP

TRƯỜNG MẠM NON THỦY TIỀN

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của Trường Mầm non Thủy Tiên
 Năm học 2019-2020

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng	11	Số m ² /trẻ em
II	Loại phòng học	-	-
1	Phòng học kiên cố	11	-
2	Phòng học bán kiên cố	-	-
3	Phòng học tạm	-	-
4	Phòng học nhờ	-	-
III	Số điểm trường	02	-
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m ²)	1.089 m ²	
V	Tổng diện tích sân chơi (m ²)	533 m ²	
VI	Tổng diện tích một số loại phòng		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	48 m ²	
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)	-	
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	15 m ²	
4	Diện tích sân chơi (m ²)	14 m ²	
5	Diện tích phòng giáo dục thể chất (m ²)	-	
6	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m ²)	-	
7	Diện tích nhà bếp và kho (m ²)	64 m ²	
VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	07	Số bộ/nhóm (lớp)
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	07	01 bộ/nhóm (lớp)
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định	04	-
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời	05	05 bộ/sân chơi (trường)
IX	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...) (lớp)	11	11 bộ/11 nhóm (lớp)

X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)	Số thiết bị/nhóm (lớp)
1	Ti vi	01thiết bị/01 nhóm (lớp)
2	Máy in	02thiết bị/11 nhóm (lớp)
3	Bảng tương tác	01thiết bị/01 nhóm (lớp)
4	Đầu Video/dầu đĩa	01thiết bị/01 nhóm (lớp)
5	Bàn ghế đúng quy cách	45/ 01 nhóm (lớp)
6	Máy điều hoà	01thiết bị/01 nhóm (lớp)

	Số lượng(m ²)	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh	Số m ² /trẻ em	XI	Nhà vệ sinh	1	Đạt chuẩn vệ sinh*	05m ²	15m ²	8m ²	1.3m ²	Nam/Nữ
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	-	-	-			2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	-	-	-	-	-

(*Theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường mầm non và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu-điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh)

			Có	Không
XII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X		
XIII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X		
XIV	Kết nối internet	X		
XV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	X		
XVI	Tường rào xây	X		
...				

Gõ Vết, ngày 10 tháng 9 năm 2019

HIỆU TRƯỞNG

Huỳnh Hương Nhan



ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP
TRƯỜNG MẦM NON THỦY TIỀN

THÔNG BÁO
Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên
của Trường Mầm non Thủy Tiên
Năm học 2018-2019

STT	Nội dung	Tổng số	TS	THS	DH	CD	TC	Dưới TC	Hàng IV	Hàng III	Hàng II	Xuất sắc	Khả	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên														
I	Giáo viên	25		15	09	01									
1	Nhà trẻ	03		03								3		03	
2	Mẫu giáo	22		12	09	01			2	8	12	07	13		
II	Cán bộ quản lý														
1	Hiệu trưởng			01								x	01		
2	Phó hiệu trưởng			02								x	02		
III	Nhân viên														
1	Nhân viên văn thư	01				01							01		
2	Nhân viên kế toán	01				01							01		
3	Thủ quỹ														
4	Nhân viên y tế	01					01						01		
5	Nhân viên khác	12					03	09					12		
..	..														
			Trình độ đào tạo												
			Hàng chức danh nghề nghiệp												
			Chuẩn nghề nghiệp												

Gò Vấp, ngày 10 tháng 9 năm 2019
HIỆU TRƯỞNG
Huỳnh Hương Nhan



ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP
TRƯỜNG MẦM NON THỦY TIỀN

THÔNG BÁO

Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế của Trường Mầm non Thủy Tiên
Năm học 2018-2019

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ			Mẫu giáo		
			Tổng số trẻ em	6-18 tháng tuổi	19-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi
I	Tổng số trẻ em	423	-	-	-	46	100	116
1	Số trẻ em nhóm ghép	-	-	-	-	-	-	-
2	Số trẻ em học 1 buổi/ngày	-	-	-	-	-	-	-
3	Số trẻ em học 2 buổi/ngày	423	-	-	-	46	100	116
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập	-	-	-	-	-	-	-
II	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú	423	-	-	-	46	100	116
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	423	-	-	-	46	100	116
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	423	-	-	-	46	100	116
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em							
1	Số trẻ cân nặng bình thường	423	-	-	-	46	100	116
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân							
3	Số trẻ có chiều cao bình thường	423	-	-	-	46	100	116
4	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi							
5	Số trẻ thừa cân béo phì	41				2	10	9
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục	423	-	-	-	46	100	116
1	Chương trình giáo dục nhà trẻ	46	-	-	-	46	-	-
2	Chương trình giáo dục mẫu giáo	377	-	-	-	-	100	116

Gõ Vấp, ngày 28 tháng 05 năm 2019

HIỆU TRƯỞNG

Huỳnh Hương Nhan



ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP
TRƯỜNG MẦM NON THỤY TIỀN

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của Trường Mầm non Tường Vi
Năm học 2019-2020

STT	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
I	Chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ dự kiến đạt được	Sức khỏe đầu năm: Kênh A: trẻ; Kênh B: trẻ SDD chiều cao: 02; SDD cân nặng: 08; SDD thể còi: 09; DCBP: 55 <i>* Phân đầu cân nặng và chiều cao trẻ đạt theo qui định đến cuối năm</i> Cân nặng: Trẻ: 11,6 - 17,7 kg; Gái: 11,1 - 17,2 kg Chiều cao: Trẻ: 89,4 - 103,6 cm; Gái: 88,4 - 102,7 cm	
II	Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường thực hiện	Thực hiện có chất lượng Chương trình GDMN do Bộ GD&ĐT ban hành ngày 25 tháng 7 năm 2009 theo Thông tư số 17/2009/TT-BGD-ĐT ngày 25/7/2009 và chỉnh sửa bổ sung theo Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016. <i>* Xây dựng và thực hiện có chất lượng chương trình Nhà trường:</i> Theo nhu cầu của Phụ huynh: + Chương trình làm quen tiếng Anh cho trẻ Mầm non + Chương trình Thể dục nhịp điệu + Chương trình Hội họa cho trẻ Mầm non “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm giai đoạn 2016-2020” theo kế hoạch số 493/GDĐT-MN. Sử dụng bộ chuẩn phát triển trẻ em 5 tuổi hỗ trợ thực hiện chương trình.	

* Mục tiêu: Giúp trẻ phát triển hai hoà về các mặt thể chất, nhân thức, ngôn ngữ, tình cảm, kĩ năng sống và thẩm mỹ, chuẩn bị cho trẻ vào học tiểu học. Trẻ mẫu giáo lớn đạt được chuẩn phát triển trẻ 5 tuổi gồm 5 lĩnh vực, 28 chuẩn và 120 chỉ số. 1. Phát triển thể chất + 100% trẻ khoẻ mạnh tăng cân đều có khả năng phối hợp các cơ quan vận động dùng tư thế, vững vàng và biết định hướng dùng không gian + 100% trẻ biết tin tưởng vào khả năng của bản thân mình, thể hiện sự hợp tác với bạn bè và mọi người xung quanh. 2. Phát triển nhân thức - 100% trẻ thể hiện một số hiểu biết về môi trường thiên nhiên: nhận biết được các bộ phận cơ thể, các đồ vật, động thực vật, các hiện tượng thiên nhiên. - 100% trẻ thể hiện 1 số hiểu biết về môi trường xã hội: bản thân, gia đình, trường lớp mầm non, cộng đồng.	* Mục tiêu: Giúp trẻ phát triển hai hoà về các mặt thể chất, nhân thức, ngôn ngữ, tình cảm, kĩ năng sống và thẩm mỹ. 1. Phát triển vận động + 100% trẻ khoẻ mạnh thích nghi với chế độ sinh hoạt ở nhà trẻ. Có khả năng làm được một số việc tự phục vụ các nhân. Ban đầu thể hiện được một số tố chất nhanh nhẹn, khéo léo, thăng bằng cơ thể. 2. Phát triển nhân thức + 100% trẻ thích khám phá thế giới xung quanh bằng các giác quan. + 80% trẻ hiện sự hiểu biết về các sự vật hiện tượng gần gũi bằng cử chỉ, biết sử dụng lời nói và hơn nữa trong giao tiếp. 3. Phát triển ngôn ngữ + 85% trẻ hiểu được yêu cầu, lời nói đơn giản. Nghe, nhắc lại các âm, các tiếng và các câu, Biết sử dụng ngôn ngữ để giao tiếp.	Kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển	III
	4. Phát triển tình cảm, kĩ năng xã hội, thẩm mỹ + 95% trẻ có ý thức về bản thân, mạnh dạn giao tiếp với người thân. + 80% trẻ biết biểu lộ sự nhân thức về bản thân. + 100% trẻ nhân biết biểu lộ với con người và sự vật gần gũi + 90% trẻ thực hiện hành vi xã hội đơn giản + 100% trẻ thể hiện cảm xúc		

qua hát, vận động theo nhạc, xếp hình, xâu, xem tranh, vẽ gần...

không gian, một số nhận biết ban đầu về thời gian, + 100% trẻ tò mò ham hiểu biết, hay đặt câu hỏi tại sao? Như thế nào?...
+ 100% trẻ thể hiện khả năng suy luận và sáng tạo (mẫu giáo lớn)

3. Phát triển ngôn ngữ

+ 100% trẻ nghe hiểu lời nói.
+ 85% trẻ sử dụng đúng từ ngữ, câu trong cuộc sống hàng ngày.
+ 90% trẻ thích làm quen với việc xem sách.
+ 100% trẻ mẫu giáo lớn được làm quen với việc đọc - viết.
nhận dạng được 29 chữ trong bảng chữ cái

+ 85% trẻ nhận biết các ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, cảm lưạ, cảm hút thuốc lá, cảm vào nơi nguy hiểm...)

4. Phát triển tình cảm xã hội

+ 100% trẻ thể hiện ý thức được bản thân
+ 90% trẻ thể hiện sự tự tin, tự lực trong các hoạt động.
+ 100% trẻ nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người và sự vật hiện tượng xung quanh.

+ 100% trẻ có hành vi và quy tắc ứng xử xã hội.
+ 100% trẻ quan tâm đến môi trường mà trẻ đang hoạt động.
+ 100% trẻ thể hiện sự hợp tác với bạn bè và mọi người xung quanh

5. Phát triển thẩm mỹ

+ 80% trẻ cảm nhận và thể hiện

Huynh Hung Nhan

Gò Vấp, ngày 09 tháng 10 năm 2019

HIỆU TRƯỞNG



IV	Các hoạt động hỗ trợ chăm sóc giáo dục trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non	Cơ sở vật chất đảm bảo đủ điều kiện chăm sóc, giáo dục trẻ theo Điều lệ trường mầm non; đồ dùng, đồ chơi và thiết bị dạy học đảm bảo theo Thông tư số 02/2010/TT-BGDĐT ngày 11/2/2010, Thông tư 34/2013 và Văn bản hợp nhất tháng 3/2015 (dù về số lượng và đảm bảo về chất lượng) Đội ngũ CB, GV, NV đạt chuẩn trở lên, được bồi dưỡng, đào tạo thường xuyên liên tục. Sự phối kết hợp chặt chẽ giữa CMHS và Nhà trường. Thực hiện tốt Quy chế dân chủ trong mọi hoạt động của Nhà trường.
		phẩm nghệ thuật nhân, cuộc sống và các tác cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên biết về âm nhạc và tạo hình. Trẻ thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động đặc biệt là âm nhạc, biết thể hiện cảm xúc và vận động phù hợp với nhịp điệu của bài hát; nói được ý tưởng thể hiện trong sản phẩm tạo hình của mình.